**TẬP HỢP**

**Trả lời kiến nghị cử tri trước kỳ 7, Quốc hội khóa XV**

**của các cơ quan Trung ương**

\_\_\_\_\_\_

**1. Bộ Công an trả lời tại Văn bản số 2411/BCA-V01 ngày 22/7/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Theo Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ANTT, ATXH, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phòng chống bạo lực gia đình, các hành vi mang theo các công cụ có khả năng gây sát thương nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng quy định điểm b khoản 4 Điều 7 mức phạt 3-5 triệu đồng; điểm a, b, khoản 5 Điều 7 quy định phạt đến 8 triệu đồng. Tuy nhiên, quy định trên mâu thuẫn với khoản 1 điều 68 Nghị định quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đến 4 triệu đồng, nên phải chuyển cho Chủ tịch UBND cấp huyện xử lý. Cử tri kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định đảm bảo phù hợp”

**Trả lời:**

Bộ Công an hiện đang phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình; trong quá trình sửa Nghị định sẽ nghiên cứu kiến nghị của cử tri để sửa đổi, bổ sung các quy định bảo đảm phù hợp, thống nhất.

**2. Bộ Quốc phòng trả lời tại Văn bản số 3246/BQP-CT ngày 13/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Cử tri kiến nghị Chính phủ xem xét chế độ cho các đối tượng đã trực tiếp tham gia chiến đấu thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần nhưng mức kinh phí hỗ trợ thời điểm đó quá thấp, mong muốn có chính sách hưởng chế độ hằng tháng (Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005; Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước”.

**Trả lời:**

Quy định về đối tượng, mức hưởng trợ cấp một lần đối với các đối tượng tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 và Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ đã được các Bộ, ngành nghiên cứu kỹ, báo cáo Ban cán sự đảng Chính phủ trình Bộ Chính trị cho chủ trương, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thực hiện chế độ, chính sách; phù hợp với điều kiện kinh tế của đất nước và khả năng bảo đảm của ngân sách nhà nước; đồng thời, cân đối chung giữa các nhóm đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế. Theo quy định tại các Quyết định nêu trên, đối tượng ngoài hưởng chế độ trợ cấp một lần theo quy định, nếu chưa được hưởng chế độ bảo hiểm y tế thì được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế và khi từ trần người lo mai táng được hưởng chế độ mai táng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Đây là sự quan tâm, cố gắng rất lớn của Đảng, Nhà nước ta trong điều kiện kinh tế - xã hội đất nước hiện nay.

Vì vậy, việc đề nghị có trợ cấp hằng tháng đối với đối tượng đã hưởng trợ cấp một lần theo quy định tại các quyết định nêu trên là không phù hợp với kết luận của Bộ Chính trị; đồng thời, tạo sự bất cập với các trường hợp đã hưởng trợ cấp một lần quy định tại Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11/4/2002, Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ; giữa đối tượng có thời gian công tác thực tế trong Quân đội dưới 15 năm và trên 15 năm. Mặt khác, để bảo đảm an sinh xã hội, ngày 29/6/2024, Quốc hội đã thông qua Luật Bảo hiểm xã hội; theo đó, đã bổ sung đối tượng, điều kiện hưởng chế độ hưu trí xã hội; trong đó, các trường hợp thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi và các trường hợp có từ đủ 75 tuổi trở lên nếu không có lương hưu hằng tháng hoặc hưởng bảo hiểm xã hội hằng tháng thì được thì được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định của Chính phủ.

**3. Bộ Quốc phòng trả lời tại Văn bản số 3247/BQP-CT ngày 13/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Đối với những người tham gia tại chiến trường Campuchia từ năm 1988 trở về trước và đã tham gia nghĩa vụ 3 năm tức là (36 tháng), trong thời gian tham gia tại chiến trường Campuchia có người đã hy sinh, người là thương binh, bệnh binh và đã trở về nước; bộ đội phục viên được Nhà nước thanh toán chế độ một lần (theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc). Cử tri kiến nghị có chính sách hỗ trợ phụ cấp hằng tháng hoặc hỗ trợ thêm kinh phí cho những người tham gia chiến trường Campuchia đã được thanh toán chế độ một lần”.

**Trả lời:**

Theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện thì quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, có dưới 20 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc trước ngày 01/4/2000 hoặc chuyển ngành sau đó thôi việc trước ngày 01/01/1995, hiện không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động, chế độ bệnh binh hàng tháng, nếu có thời gian trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, làm nhiệm vụ truy quét Ful rô ở Tây Nguyên trong thời gian và địa bàn theo quy định hoặc làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào, Campuchia thì được xem xét, giải quyết chế độ theo quy định (có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác, được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng; dưới 15 năm công tác, được hưởng chế độ trợ cấp một lần tính theo thời gian công tác).

Vì vậy, việc đề nghị có chính sách hỗ trợ phụ cấp hàng tháng đối với người tham gia chiến trường Campuchia, không phụ thuộc vào thời gian thực tế công tác trong Quân đội sẽ dẫn đến không bảo đảm công bằng giữa người có thời gian công tác thực tế trong Quân đội dưới 15 năm và trên 15 năm, tạo sự bất cập với các đối tượng đã hưởng trợ cấp một lần được quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005, Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời, không phù hợp với kết luận của Bộ Chính trị và quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg. Mặt khác, để bảo đảm an sinh xã hội, ngày 29/6/2024, Quốc hội đã thông qua Luật Bảo hiểm xã hội; theo đó, đã bổ sung đối tượng, điều kiện hưởng chế độ hưu trí xã hội. Trong đó, các trường hợp thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi và các trường hợp có từ đủ 75 tuổi trở lên nếu không có lương hưu hằng tháng hoặc hưởng bảo hiểm xã hội hằng tháng thì được thì được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định của Chính phủ.

**4. Bộ Quốc phòng trả lời tại Văn bản số 2806 /BQP-TM ngày 19/7/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Đề nghị sửa đổi, bổ sung thẩm quyền tổ chức thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho lực lượng dân quân thường trực đối với Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ để các địa phương thực hiện đảm bảo theo quy định

**Trả lời:**

Năm 2022, Bộ Quốc phòng đã chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng Chính phủ và 63 tỉnh, thành phố trên phạm vi cả nước tổ chức tổng kết, thống nhất đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ. Ngày 08/02/2024 Bộ Quốc phòng đã có Báo cáo số 523/BC-BQP giải trình tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang với dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP theo hướng nâng mức hưởng một số chế độ, chính sách của Dân quân tự vệ và điều chỉnh, bổ sung quy định bảo hiểm xã hội cho Dân quân thường trực (điểm b, c khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định), để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong tình hình mới.

**5. Tòa án nhân dân tối cao trả lời tại Văn bản số 162/TANDTC-PC ngày 10/9/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tình tiết “phạm tội với người già yếu” được quy định là tình tiết định khung của một số tội phạm. Tuy nhiên, hiện chưa có văn bản giải thích thế nào là “người già yếu”. Cử tri kiến nghị sửa sung để đảm bảo thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện Luật.

**Trả lời:**

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 (gọi tắt là Nghị quyết số 41/2017/QH14), thời gian qua, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành nhiều Nghị quyết hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017), trong đó, Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐTP ngày 10/6/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm mức hình phạt đã tuyên, giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt, hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, đã hướng dẫn tình tiết “Đã quá già yếu” như sau:

““Đã quá già yếu” quy định tại Điều 64 của Bộ luật Hình sự là người bị kết án thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Từ đủ 70 tuổi trở lên;

b) Từ đủ 60 tuổi trở lên nhưng thường xuyên ốm đau, phải nằm điều trị tại bệnh viện liên tục từ 03 tháng trở lên hoặc không liên tục nhưng phải nằm điều trị tại bệnh viện từ 03 lần trở lên (mỗi lần từ 01 tháng trở lên), không có khả năng tự phục vụ bản thân, có kết luận bằng văn bản của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh, cấp quân khu trở lên hoặc bệnh viện.[[1]](#footnote-1)

Tòa án nhân dân tối cao đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành ban hành Thông tư liên tịch số 04/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 11/10/2021 quy định phối hợp trong thực hiện trình tự, thủ tục giảm thời hạn, miễn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ và miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú, quản chế còn lại đã hướng dẫn trường hợp “Người đã quá già yếu” như sau: “Người đã quá già yếu là người từ 70 tuổi trở lên hoặc người từ 60 tuổi trở lên nhưng thường xuyên ốm đau.”[[2]](#footnote-2)

Trong thời gian tới, Tòa án nhân dân tối cao sẽ tiếp tục rà soát, tổng kết thực tiễn xét xử để ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật về các vấn đề vướng mắc phát sinh từ thực tiễn xét xử để thực hiện nhiệm vụ được Quốc hội giao cho Tòa án nhân dân tối cao tại Nghị quyết số 41/2017/QH14.

**6. Bộ Tài chính trả lời tại Văn bản số 8072/BTC-QLCS ngày 31/7/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Hiện nay theo nhu cầu công tác của một số đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân Tỉnh đã giao đất để xây dựng trụ sở làm việc mới và thống nhất bàn giao lại trụ sở cũ cho địa phương quản lý, sử dụng, như: Bảo hiểm xã hội thị xã An Nhơn (đã được Bảo hiểm xã hội Việt Nam đầu tư xây dựng trụ sở mới và đưa vào sử dụng từ ngày 30/12/2020); trụ sở làm việc của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước (số 67 đường Đào Tấn, thị trấn Tuy Phước) và trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn (số 85 đường Phan Đình Phùng, thị trấn Phú Phong) hiện đang dôi dư, không có nhu cầu sử dụng vì đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định giao đất không thu tiền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc mới và đi vào hoạt động; Chi cục Thi hành án dân sự Tây Sơn (196 Phan Đình Phùng, thị trấn Phú Phong, Tây Sơn), trụ sở Bảo hiểm xã hội Vân Canh (tại làng Hiệp Hội, thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh). Kiến nghị Bộ Tài chính cùng với các Bộ, ngành liên quan xem xét, hoàn tất các thủ tục cho chuyển giao về địa phương quản lý, sử dụng, tránh lãng phí tài sản công.

**Trả lời:**

a) Thực hiện quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ), Bộ Tài chính đã ban hành các Quyết định:

- Số 2730/QĐ-BTC ngày 12/12/2023 và số 1706/QĐ-BTC ngày 22/7/2024 về việc chuyển giao trụ sở làm việc (cũ) của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước (tại số 67 đường Đào Tấn, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước) và trụ sở làm việc (cũ) của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn (tại số 85 đường Phan Đình Phùng, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn) từ Tòa án nhân dân tối cao sang Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định để quản lý, xử lý.

- Số 1437/QĐ-BTC ngày 26/6/2024 về việc chuyển giao trụ sở làm việc (cũ) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn tại số 196 đường Phan Đình Phùng, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn từ Bộ Tư pháp sang Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định để quản lý, xử lý.

- Số 2064/QĐ-BTC ngày 06/10/2022 về việc chuyển giao trụ sở làm việc (cũ) của Bảo hiểm xã hội huyện An Lão (tại thôn 9, thị trấn An Lão, huyện An Lão) và Bảo hiểm xã hội huyện thị xã An Nhơn (tại số 77 Lê Hồng Phong, thị xã An Nhơn) từ Bảo hiểm xã hội Việt Nam sang Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định để quản lý, xử lý.

b) Đối với trụ sở làm việc (cũ) của Bảo hiểm xã hội huyện Vân Canh tại khu phố Hiệp Hội, thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh

Đến nay, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chưa có văn bản gửi Bộ Tài chính đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc này.

Bộ Tài chính đã có Công văn số 8073/BTC-QLCS ngày 31/7/2024 đề nghị Bảo hiểm xã hội Việt Nam rà soát, có văn bản đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với các cơ sở nhà, đất do Bảo hiểm xã hội Việt Nam đang quản lý, sử dụng trên địa bàn tỉnh Bình Định (cũng như các tỉnh, thành phố khác) theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP để gửi Bộ Tài chính xem xét theo thẩm quyền.

**7. Bộ Tài chính trả lời tại Văn bản số 8760/BTC-CST ngày 20/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Cử tri đề nghị xem xét điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế và người phụ thuộc, điều chỉnh biểu thuế lũy tiến từng phần đảm bảo phù hợp với thực tế, đặc biệt là sau khi tăng lương kể từ ngày 01/7/2024.

**Trả lời:**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập cá nhân (TNCN) hiện hành, cá nhân được trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, trừ đi mức giảm trừ gia cảnh, các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, các khoản phụ cấp, trợ cấp theo quy định... số còn lại mới là thu nhập làm căn cứ tính thuế TNCN.

Luật thuế TNCN (áp dụng từ 01/01/2009) quy định mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng (48 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN số 26/2012/QH13 (áp dụng từ 01/7/2013) quy định mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 9 triệu đồng/tháng (108 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 3,6 triệu đồng/tháng. Đồng thời bổ sung quy định: Trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh gần nhất thì Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo.

Ngày 02/6/2020 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN (áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020). Theo đó, nâng mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng. Việc điều chỉnh nâng mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN đã góp phần giảm bớt nghĩa vụ cho người nộp thuế, số thuế phải nộp sẽ được giảm cho mọi đối tượng đang nộp thuế TNCN.

Quy định về giảm trừ trước khi tính thuế đảm bảo nguyên tắc cá nhân cần phải có một mức thu nhập nhất định nhằm đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của cuộc sống như: ăn, ở, đi lại, học tập, khám chữa bệnh..., vì thế, thu nhập trên ngưỡng này mới phải nộp thuế. Việc áp dụng các khoản giảm trừ còn hướng tới mục tiêu loại trừ các đối tượng có thu nhập thấp ra khỏi diện phải nộp thuế TNCN. Mức giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế, người phụ thuộc của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế TNCN là mức cụ thể theo mặt bằng chung của xã hội, không phân biệt người có thu nhập cao hay thấp, với nhu cầu tiêu dùng khác nhau. Cá nhân có khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo thì Luật thuế TNCN đã có quy định giảm thuế cho các trường hợp này. Theo đó, mức giảm trừ gia cảnh cụ thể cần được nghiên cứu, tính toán một cách kỹ lưỡng, đảm bảo cao hơn GDP bình quân đầu người, tiền lương tối thiểu vùng, mức chi tiêu bình quân đầu người trong một giai đoạn nhất định.

Theo Báo cáo khảo sát mức sống dân cư năm 2023 của Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) công bố thì thu nhập bình quân đầu người/tháng của Việt Nam trong năm 2023 (theo giá hiện hành) là 4,96 triệu đồng và nhóm hộ có thu nhập cao nhất (nhóm gồm 20% dân số giàu nhất - nhóm 5) có thu nhập bình quân là 10,86 triệu đồng/tháng/người. Theo đó, mức giảm trừ cho người nộp thuế hiện nay (11 triệu đồng/tháng) là hơn 2,2 lần so với mức thu nhập bình quân đầu người (cao hơn nhiều so với mức phổ biến mà các nước đang áp dụng từ 0,5 đến 1 lần); đồng thời cũng cao hơn mức thu nhập bình quân của nhóm 20% dân số có thu nhập cao nhất. Mức giảm trừ đối với người phụ thuộc cũng gần với mức thu nhập bình quân đầu người hiện nay.

Với mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế hiện nay là 11 triệu đồng/tháng và cho mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng thì người có thu nhập từ tiền lương, tiền công ở mức 17 triệu đồng/tháng (nếu có 1 người phụ thuộc) hay mức 22 triệu đồng/tháng (nếu có 2 người phụ thuộc) sau khi trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... thì cũng chưa phải nộp thuế TNCN.

Tại khoản 4 Điều 1 Luật Thuế TNCN số 26/2012/QH13 quy định: "Trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh gần nhất thì Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo”.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê thì chỉ số CPI năm 2020 tăng 3,23%, CPI năm 2021 tăng 1,84%, CPI năm 2022 tăng 3,15% và CPI năm 2023 tăng 3,25%. Như vậy, CPI biến động chưa đến 20% kể từ thời điểm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh gần nhất (năm 2020), do đó, theo quy định của Luật thuế TNCN hiện hành thì chưa thể điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh.

Thuế TNCN điều tiết vào thu nhập của cá nhân. Việc thực hiện chính sách thuế TNCN có vai trò rất quan trọng để triển khai chính sách phân phối lại. Cùng với các nguồn thu khác, nguồn thu từ thuế TNCN đã tạo nên quỹ ngân sách nhà nước để đáp ứng rất nhiều các nhu cầu chi cho đầu tư phát triển, an ninh quốc phòng, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo. Hiện nay, thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Tài chính đang tiến hành rà soát, đánh giá tổng thể Luật thuế TNCN (trong đó có nội dung về mức giảm trừ gia cảnh, biểu thuế lũy tiến từng phần...) để báo cáo Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung theo Chương trình xây dựng luật của Quốc hội, đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam, cũng như thông lệ quốc tế (dự kiến đăng ký Chương trình xây dựng Luật vào năm 2025, trình Quốc hội cho ý kiến vào tháng 10/2025 và thông qua vào tháng 5/2026).

**8. Bộ Tài chính trả lời tại Văn bản số 8948/BTC-CST ngày 23/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Theo Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT) và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT: “Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao, biểu diễn nghệ thuật, sản xuất phim, nhập khẩu, phát hành và chiếu phim” thuộc đối tượng chịu thuế 5% (khoản 13 Điều 10) là chưa phù hợp thực tế. Cử tri đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất Chính phủ miễn thuế đối với các hoạt động thuộc các loại hình nghệ thuật cần được bảo tồn (như tuồng, bài chòi...).

**Trả lời:**

Thuế GTGT là sắc thuế gián thu tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Luật Thuế GTGT không có quy định về việc miễn, giảm thuế GTGT.

Theo điểm n khoản 2 Điều 8 Luật Thuế GTGT hiện hành thì “Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%.

Hiện nay, Chính phủ đã trình Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật Thuế GTGT (sửa đổi). Dự án Luật Thuế GTGT (sửa đổi) đã được Quốc hội thảo luận, cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7 (tháng 6 năm 2024), trong đó có nội dung sửa đổi liên quan đến hoạt động văn hóa.

Theo điểm đ khoản 2 Điều 75 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì “Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra tổng hợp ý kiến của đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án, dự thảo, Thường trực Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo và hoàn thiện dự thảo báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý trình Ủy ban thường vụ Quốc hội”.

Theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, dự án Luật Thuế GTGT (sửa đổi) sẽ được Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10 năm 2024).

**9. Bộ Y tế trả lời tại Văn bản số 4541/BYT-VPB1 ngày 06/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Cử tri kiến nghị Bộ Y tế sớm ban hành văn bản hướng dẫn về “phân nhóm thiết bị y tế theo tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng” (theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ) nhằm kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn của các cơ sở y tế trong việc tổ chức thực hiện đấu thầu mua sắm thiết bị y tế. Kiến nghị nghiên cứu chế độ tiền lương, phụ cấp ưu đãi nghề phù hợp với vị trí việc làm đối với viên chức ngành Y tế và có chính sách thu hút nguồn nhân lực về công tác tại tuyến y tế cơ sở, nhất là các cơ sở y tế miền núi, vùng khó khăn.

**Trả lời:**

***Về việc phân nhóm thiết bị y tế theo tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng***

Triển khai Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; để có cơ sở xây dựng hướng dẫn phân nhóm thiết bị y tế tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng phục vụ công tác đấu thầu, mua sắm thiết bị y tế, căn cứ thực tiễn triển khai tại đơn vị và các quy định hiện hành, ngày 27/5/2024, Bộ Y tế đã có công văn số 2862/BYT-HTTB gửi các Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế, cùng y tế các Bộ, ngành để thu thập các đề xuất về nguyên tắc, tiêu chí phân nhóm thiết bị y tế theo tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng trong đấu thầu.

Hiện tại, Bộ Y tế đang tổng hợp, rà soát các ý kiến góp ý và nghiên cứu để có phương án thực hiện ban hành văn bản hướng dẫn việc phân nhóm thiết bị y tế theo tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng đảm bảo phù hợp với thực tế và các quy định của Pháp luật hiện hành.

***Về chế độ tiền lương, phụ cấp ưu đãi nghề cho viên chức ngành Y tế***

Hiện nay, chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập thực hiện theo quy định tại các văn bản: (1) Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập; (2) Nghị định 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2011/NĐ-CP quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập; (3) Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BYT-BNV-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 56/2011/NĐ-CP.

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiển lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; Nghị quyết số 99/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội giám sát chuyên đề về việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19, Bộ Y tế đang triển khai thực hiện xây dựng chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề thay thế Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ, dự kiến ban hành trong năm 2024.

Bộ Y tế ghi nhận kiến nghị, đề xuất của cử tri để tổng hợp, nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định phù hợp với tình hình thực tế và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

**Ý kiến, kiến nghị:**

Cử tri đồng thuận cao khi thực hiện các quy định về thông tuyến trong khám chữa bệnh, tuy nhiên để góp phần hạn chế tình trạng quá tải ở các tuyến trên, kiến nghị cần có cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích đội ngũ y, bác sỹ giỏi về công tác ở các tuyến cơ sở; đầu tư trang thiết bị; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh ở các tuyến, nhất là tuyến cơ sở.

**Trả lời:**

Trong những năm qua, Bộ Y tế đã triển khai các chương trình luân phiên đưa bác sĩ trẻ tình nguyện về công tác tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo theo Dự án 585[[3]](#footnote-3). Dự án này nhằm mục tiêu đào tạo và cung cấp bác sĩ chuyên khoa cấp I với trình độ kỹ thuật chuyên môn cao cho các vùng khó khăn. Chương trình tập trung vào các đối tượng là bác sĩ đã được tuyển dụng tại các cơ sở y tế các huyện khó khăn, biên giới, hải đảo và phải cam kết công tác tối thiểu 05 năm sau khi tốt nghiệp chuyên khoa cấp I. Phương thức đào tạo đặc thù của dự án bao gồm: (1) Đào tạo liên tục trong 24 tháng theo phương pháp "cầm tay chỉ việc", với mỗi giảng viên kèm cặp một học viên; (2) Chương trình đào tạo được xây dựng riêng cho từng chuyên ngành, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu cụ thể của từng địa phương.

Từ năm 2013 đến nay, dự án đã tiếp nhận và đào tạo 25 khóa bác sĩ chuyên khoa cấp I với tổng số 699 bác sĩ, trong đó đã bàn giao 402 bác sĩ cho 94 huyện khó khăn, biên giới thuộc 22 tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên. Hiện nay, còn 297 bác sĩ đang được đào tạo tại 5 Trường Đại học Y trên cả nước[[4]](#footnote-4). Dự án dự kiến sẽ tiếp tục triển khai đến năm 2030, với sự tài trợ từ Tập đoàn VinGroup thông qua Quỹ Thiện Tâm, mỗi năm dự kiến đào tạo từ 100-200 bác sĩ theo nhu cầu của các bệnh viện và trung tâm y tế thuộc các huyện nghèo, vùng khó khăn, biên giới, hải đảo đề xuất.

Bộ Y tế luôn xác định việc giữ chân nhân viên y tế tại các tuyến y tế cơ sở là một nhiệm vụ trọng tâm. Bộ Y tế ghi nhận, tiếp thu ý kiến của cử tri và sẽ phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành tham mưu, đề xuất với Chính phủ xây dựng, triển khai các chính sách liên quan.

**Ý kiến, kiến nghị:**

Hiện nay quy định về nguồn đóng bảo hiểm y tế cho nhóm đối tượng “người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng” có sự bất cập giữa quy định của Luật Bảo hiểm y tế và Nghị định hướng dẫn thực hiện (Theo quy định điểm b, khoản 2, điều 12, Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 sửa đổi bổ sung một số điều của của Luật bảo hiểm tế số 25/2008/QH12 thì đối tượng “người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng” thuộc Nhóm do tổ chức Bảo hiểm xã hội đóng. Tuy nhiên, theo khoản 17, điều 3, Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế lại quy định đối tượng này thuộc Nhóm do ngân sách nhà nước đóng). Vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất, cử tri kiến nghị sửa đổi Nghị định số 146/2018/NĐ-CP theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm y tế để địa phương phân bổ, quyết toán nguồn đóng đúng quy định.

**Trả lời:**

Theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 12 của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12, quy định người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng thuộc nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do tổ chức Bảo hiểm xã hội đóng. Tuy nhiên, tại Điều 84 Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 20/11/2014 không quy định Quỹ Bảo hiểm xã hội đóng bảo hiểm y tế cho nhóm đối tượng này.

Vì vậy, khi xây dựng Nghị định số 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ để thay thế Nghị định số 105/2014/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, trên cơ sở đề nghị của Bộ Tư pháp và sự thống nhất của Bộ Tài chính, Bộ Y tế đã trình Chính phủ chuyển nhóm đối tượng người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng sang nhóm đối tượng do ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế để bảo đảm quyền lợi cho đối tượng này và tuân thủ quy định về áp dụng pháp luật. Vì vậy, quy định của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP là hoàn toàn phù hợp và không trái với pháp luật hiện hành. Bộ Y tế đề nghị các địa phương thực hiện phân bổ dự toán và đóng bảo hiểm y tế cho nhóm đối tượng này theo đúng quy định của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Hiện nay, trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế, Bộ Y tế đã dự thảo chuyển đối tượng người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng sang nhóm đối tượng do ngân sách nhà nước đóng để bảo đảm thống nhất giữa Luật Bảo hiểm y tế với các văn bản hướng dẫn thi hành và tránh hiểu sai quy định của pháp luật.

**Ý kiến, kiến nghị:**

Cử tri kiến nghị xem xét bổ sung chính sách cho người tham gia kháng chiến và bảo vệ Tổ quốc là dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đã được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế” (Điểm đ Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ), nhưng không phải là đối tượng cựu chiến binh quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ thì cũng được hưởng quyền lợi (mức hưởng) bảo hiểm y tế là 100% như các đối tượng người có công với cách mạng.

**Trả lời:**

Theo quy định tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ, sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, đã được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng

Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, được hưởng 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi quyền lợi và mức hưởng.

**Ý kiến, kiến nghị:**

Hiện tại thuốc điều trị bệnh ung thư ở bệnh viện công đa số không có trong danh mục bảo hiểm (trước đây thì có, hiện nay thì không), bệnh nhân tự mua thuốc, người lao động bị bệnh đã khó khăn giờ khó khăn hơn. Đề nghị quan tâm đưa thêm các loại thuốc điều trị ung thư vào danh mục bảo hiểm y tế nhằm hỗ trợ hơn nữa các đối tượng tham gia bảo hiểm

**Trả lời:**

Với mục tiêu hướng tới thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, Bộ Y tế luôn chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện chính sách bảo hiểm y tế, đặc biệt là gói quyền lợi về thuốc để đáp ứng tốt nhất nhu cầu sử dụng thuốc của người bệnh. Hiện nay, Việt Nam được đánh giá là một trong số ít các quốc gia có danh mục thuốc bảo hiểm y tế tương đối đầy đủ và toàn diện, phù hợp với mức phí đóng bảo hiểm y tế.

Theo Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022, Bộ Y tế đã ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia BHYT. Danh mục này bao gồm 1.037 hoạt chất/thuốc hóa dược và sinh phẩm, được chia thành 27 nhóm lớn, và 59 thuốc phóng xạ và chất đánh dấu. Đặc biệt, trong đó có 76 hoạt chất/ thuốc hóa dược, sinh phẩm thuộc nhóm thuốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch. Điều này cho thấy sự quan tâm của Bộ Y tế trong việc bảo đảm quyền lợi của người bệnh ung thư. Bên cạnh đó, danh mục thuốc bảo hiểm y tế tại Việt Nam được ghi dưới dạng tên hoạt chất/thành phần, không ghi hàm lượng và dạng bào chế và tên thương mại. Như vậy, việc lựa chọn thuốc thành phẩm được Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không bị giới hạn bởi chỉ định điều trị, chuyên khoa điều trị, các bệnh cấp tính hay mãn tính.

Trong thời gian tới, Bộ Y tế sẽ tiếp tục rà soát, nghiên cứu và sửa đổi, bổ sung Thông tư ban hành danh mục thuốc được Quỹ Bảo hiểm y tế chi trả, nhằm mở rộng phạm vi và đảm bảo chất lượng điều trị cho người bệnh. Đồng thời, Bộ Y tế đang chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Thông tư quy định về việc thanh toán trực tiếp chi phí thuốc và thiết bị y tế cho người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế, nhằm khắc phục tình trạng thiếu thuốc do những nguyên nhân khách quan, đảm bảo quyền lợi và nhu cầu điều trị của người tham gia bảo hiểm y tế.

**10. Bộ Giáo dục trả lời tại Văn bản số 4267/BGDĐT-VP ngày 13/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Cử tri kiến nghị sớm có chương trình khung đào tạo chuyên môn sâu cho đội ngũ giáo viên đối với những môn dạy tích hợp ở các cấp học để đảm bảo chất lượng dạy và học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

**Trả lời:**

Theo Luật Giáo dục đại học (sửa đổi, bổ sung năm 2018), việc xây dựng và triển khai chương trình đào tạo thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học (Điều 36). Luật này cũng giao Bộ GDĐT ban hành chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Thực hiện Quyết định số 436/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học, giai đoạn 2020 - 2025, Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. Bộ GDĐT đã giao Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cùng Hội đồng tư vấn tổ chức xây dựng chuẩn chương trình đào tạo khối ngành đào tạo giáo viên (Chuẩn CTĐT) các trình độ của giáo dục đại học. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã hoàn thiện Chuẩn CTĐT và Bộ GDĐT đã thành lập Hội đồng thẩm định Chuẩn CTĐT.

Dự thảo Chuẩn CTĐT đưa ra các yêu cầu tối thiểu về mục tiêu, chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra, khối lượng và cấu trúc, đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ, phương pháp giảng dạy và đánh giá cũng như cơ sở vật chất. Dự thảo Chuẩn CTĐT bao gồm tất cả các ngành đào tạo giáo viên, trong đó có các chương trình đào tạo giáo viên các môn học tích hợp. Hiện Dự thảo đang được hoàn thiện trước khi được ban hành trong năm 2024.

Tiếp thu ý kiến của cử tri, Bộ GDĐT sẽ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các văn bản quản lý nhà nước về đào tạo, trong đó có chính sách ưu tiên, củng cố và phát triển đào tạo giáo viên.

**11. Bộ Giáo dục trả lời tại Văn bản số 4241/BGDĐT-VP ngày 13/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Từ năm học 2022 - 2023 về trước, trung tâm giáo dục thường xuyên có nhiệm vụ dạy nghề phổ thông cho học sinh các trường THCS và THPT, đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và dạy văn hoá cho học viên các khối lớp 10, 11, 12 thuộc lĩnh vực giáo dục thường xuyên. Tuy nhiên từ năm học 2023 – 2024 thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT, theo đó trung tâm giáo dục thường xuyên không còn chức năng dạy nghề phổ thông cho 02 cấp học trên mà nội dung này đã được lồng ghép vào một số môn của từng cấp học, dẫn đến tình trạng giáo viên dạy giáo dục nghề nghiệp của đơn vị dôi dư. Cử tri kiến nghị Bộ GDĐT có giải pháp giải quyết phù hợp.

**Trả lời:**

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018, trong đó có các môn học và hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, nội dung giáo dục địa phương. Căn cứ nhiệm vụ, trung tâm giáo dục thường xuyên có thể bố trí giáo viên dạy giáo dục nghề nghiệp để dạy các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp hay nội dung giáo dục địa phương, nếu đủ tiêu chuẩn theo quy định. Ngoài ra, giáo viên có thể tham gia dạy nghề sơ cấp phù hợp (nếu trung tâm được cấp phép tổ chức một nghề cụ thể theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Trong trường hợp giáo viên dạy giáo dục nghề nghiệp của đơn vị còn dôi dư, trung tâm/địa phương có thể bố trí để đào tạo lại cũng như có các giải pháp khả thi khác phù hợp với chiến lược phát triển của từng trung tâm và bối cảnh của từng địa phương.

**12. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trả lời tại Văn bản số 3593/BLĐTBXH-VP ngày 09/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng thì mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học hiện nay là quá thấp, không còn đủ để đáp ứng nhu cầu ăn uống cơ bản của học viên trong thời gian học tập, học viên phải chi trả thêm phần lớn chi phí ăn uống, đặc biệt đối với những học viên có hoàn cảnh khó khăn. Cử tri kiến nghị điều chỉnh tăng mức hỗ trợ cho phù hợp để thu hút nhiều lao động (thuộc khoản 1 Điều 5) tham gia học nghề, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn”

**Trả lời:**

Mức hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó quy định ngoài việc được hỗ trợ đào tạo, một số đối tượng còn được hỗ trợ tiền ăn (30.000 đồng/người/ngày thực học), tiền đi lại (200.000 đồng/người/khóa học).

Mức hỗ trợ cho lao động nông thôn tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg được xây dựng từ năm 2015, tuy chưa được điều chỉnh, nhưng Thủ tướng Chính phủ cũng đã có quy định khuyến khích các bộ, ngành, địa phương, cơ sở đào tạo tùy điều kiện và khả năng, huy động thêm các nguồn kinh phí khác để hỗ trợ thêm tiền ăn, tiền đi lại cho người học trong thời gian đào tạo[[5]](#footnote-5).

Tiếp thu ý kiến của cử tri, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ rà soát để tham mưu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg trong thời gian tới.[[6]](#footnote-6)

**13. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trả lời tại Văn bản số 3712/** **BLĐTBXH-VP ngày 12/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Trong quá trình Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện tiếp nhận hồ sơ một số đối tượng tham gia hoạt động kháng chiến, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (là du kích tại địa phương) bị thương, đề nghị được giải quyết chế độ thương binh. Để xác lập hồ sơ giải quyết chế độ thương binh thì đối tượng phải đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ- CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ; theo đó, tại điểm b, khoản 2 Điều 76 quy định: trường hợp không còn một trong các giấy tờ quy định thì căn cứ vết thương còn mảnh kim khi trong cơ thể. Tuy nhiên thực tế nhiều cử tri phản ánh vì thời gian bị thương đã rất lâu, nhiều người đã trải qua điều trị, phẫu thuật hoặc đào thải tự nhiên nên không thể xác lập hồ sơ thương binh. Cử tri kiến nghị xem xét, có các quy định phù hợp để làm căn cứ chứng minh thay thế căn cứ vết thương còn mảnh kim khí trong những trường hợp không tìm thấy mảnh kim khí thể.

**Trả lời:**

Việc công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đã được thực hiện hơn 70 năm qua. Đặc biệt, việc giải quyết hồ sơ tồn đọng đề nghị xác nhận người có công được đẩy nhanh từ sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là công việc phức tạp, đòi hỏi vừa đơn giản về thủ tục để xác nhận được cho những trường hợp thiếu hoặc không có giấy tờ, vừa phải đảm bảo chặt chẽ ở mức độ nhất định để hạn chế việc lợi dụng khai man hồ

Giai đoạn trước ngày 29/6/2005[[7]](#footnote-7), việc giải quyết hồ sơ tồn đọng chủ yếu dựa trên xác nhận của người làm chứng. Đến thời điểm thực hiện Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BLĐTBXH-BQP ngày 22/10/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng đã không sử dụng người làm chứng nhưng cho phép xác nhận thương binh đối với trường hợp đã tham gia kháng chiến chống Mỹ, chống Pháp ở miền Nam và tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc hiện còn vết thương thực thể. Qua nhiều năm giải quyết hồ sơ tồn đọng đến nay, cả nước đã cơ bản hoàn thành xác nhận người có công nhưng không có giấy tờ. Tuy nhiên, qua công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách ưu đãi người có công nói chung, việc lập hồ sơ hưởng chế độ thương binh nói riêng đã phát hiện có trường hợp lợi dụng sự đơn giản của chính sách để khai man và giả mạo hồ sơ (chỉ cần kê khai một số vết thương, vết sẹo trên cơ thể là có thể lập hồ sơ hưởng chế độ thương binh), gây bức xúc trong dư luận.

Do đó, thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020, Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đã quy định chỉ xem xét giải quyết chế độ thương binh đối với người bị thương trong chiến tranh không còn giấy tờ liên quan đến trường hợp bị thương nhưng còn mảnh kim khí trong cơ thể.

**14. Bộ Xây dựng trả lời tại Văn bản số 4535/BXD-QLN ngày 12/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Định còn gần 4.800 hộ gia đình người có công, thân nhân liệt sĩ có hoàn cảnh khó khăn (nhà ở có nguy cơ sụp đổ, không an toàn) cần được hỗ trợ về nhà ở quy định tại Khoản 6 Điều 102 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP (có hơn 2.700 trường hợp cần xây mới và hơn 2.000 trường hợp cần sửa chữa, cải tạo). Cử tri tiếp tục kiến nghị xem xét hỗ trợ kinh phí cho địa phương để sớm thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở cho các đối tượng trên; đồng thời xem xét nâng mức hỗ trợ xây mới và hỗ trợ sửa chữa, cải tạo nhà ở cao hơn mức quy định hiện nay để phù hợp với tình hình thực tế

**Trả lời:**

Ngày 30/12/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. Theo đó, Chính phủ giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao, ngày 19/12/2022, Bộ Xây dựng đã trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định quy định mức hỗ trợ và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 để các Bộ, ngành, địa phương có cơ sở thực hiện trong giai đoạn tới.

Tuy nhiên, việc ban hành chính sách về mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương gặp khó khăn, vướng mắc do còn có ý kiến khác nhau của các Bộ ngành trong việc bố trí nguồn vốn từ ngân sách trung ương thực hiện (vốn sự nghiệp hoặc vốn đầu tư phát triển). Do vậy, ngày 17/4/2024, Bộ Xây dựng đã có văn bản số 1614/BXD-QLN báo cáo Thủ tướng Chính phủ về nguồn vốn thực hiện chính sách.

Ngày 22/5/2024, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đã tổ chức cuộc họp tại Văn phòng Chính phủ với các Bộ ngành: Xây dựng, Lao động Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn phòng Chính phủ về các chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng, người nghèo khu vực nông thôn và người nghèo vùng bão lụt. Theo đó, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 248/TB-VPCP ngày 29/5/2024 về kết luận cuộc họp của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà (trong đó có nội dung chỉ đạo về chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng).

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà, Bộ Xây dựng đã có các văn bản: số 3418/BXD-QLN ngày 07/6/2024 gửi Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, số 3419/BXD-QLN ngày 07/6/2024 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, số 3420/BXD-QLN ngày 07/6/2024 gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 3446/BXD-QLN ngày 10/6/2024 gửi Bộ Tài chính, số 3447/BXD-QLN ngày 10/6/2024 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 3421/BXD- QLN ngày 07/6/2024 gửi các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để phối hợp, thực hiện các nội dung tại Thông báo kết luận số 248/TB-VPCP để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trên cơ sở ý kiến của các Bộ ngành, địa phương, Bộ Xây dựng đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định nêu trên và báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 4422/BXD-QLN ngày 05/8/2024. Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc cần thiết sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để chính sách sớm được ban hành.

**15. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời tại Văn bản số 5658/BNN-TL ngày 05/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Thực hiện Nghị định 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó quy định mức thu thủy lợi phí và miễn thủy lợi phí trong sản xuất nông nghiệp đã qua hơn 10 năm thực hiện và hiện tại vẫn sử dụng một mức giá. Trong khi đó giá nhân công, vật tư, điện, xăng dầu ngày càng tăng cao. Các đơn vị Hợp tác xã nông nghiệp rất khó khăn trong khâu dịch vụ thủy lợi, không đủ nguồn kinh phí để hoạt động. Cử tri kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét đề nghị tăng mức hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi để phù hợp với thực tế hiện nay.

**Trả lời:**

1. Theo quy định của Luật Thủy lợi:

- Tổ chức thủy lợi cơ sở là tổ chức của những người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi cùng hợp tác đầu tư xây dựng hoặc quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng. Hợp tác xã nông nghiệp có làm dịch vụ thủy lợi là một trong các loại hình của tổ chức thủy lợi cơ sở.

- Kinh phí hoạt động thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng của tổ chức thủy lợi cơ sở: Tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đóng góp; Hỗ trợ của Nhà nước; Tổ chức, cá nhân khác đầu tư.

2. Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định:

- Nhà nước thực hiện hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi với một số đối tượng, tính từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ đến công trình thủy lợi đầu mối ở vị trí khởi đầu. Các khoản chi phí từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác thuộc trách nhiệm các tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

- Trường hợp công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi và tổ chức thủy lợi cơ sở cùng quản lý một công trình thủy lợi mà ở đó công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi làm nhiệm vụ tạo nguồn thì công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi ký hợp đồng với các tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý một phần công trình trong hệ thống công trình làm cơ sở thanh toán kinh phí hỗ trợ.

3. Như vậy, theo các quy định của Luật Thủy lợi và Nghị định số 96/2018/NĐ-CP, các tổ chức thủy lợi cơ sở (trong đó có hợp tác xã nông nghiệp làm dịch vụ thủy lợi) đủ điều kiện về quy mô, phạm vi quản lý công trình có thể được nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí. Tuy nhiên, nguồn kinh phí chính của tổ chức thủy lợi cơ sở vẫn là đóng góp của tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi để chi trả cho công tác quản lý, vận hành và bảo trì công trình thuộc phạm vi quản lý.

Hiện nay, Chính phủ đang giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 96/2018/NĐ-CP, các quy định về hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tiếp tục được Nhà nước quan tâm thực hiện.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có văn bản báo cáo và đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ tài chính, rà soát mức tăng chi phí hình thành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi từ năm 2012 đến nay; kiến nghị Chính phủ xem xét tăng mức hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

4. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, trong đó quy định một số chính sách hỗ trợ đối với tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở có liên quan trọng đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

5. Đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Định kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh: chỉ đạo, tuyên truyền thực hiện tốt chính sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; chính sách phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và trách nhiệm của người hưởng lợi theo quy định của pháp luật thủy lợi.

**16. Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời tại Văn bản số 6037BKHDT-TH ngày 31/7/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

(1) Theo Điều 68 Luật Đầu tư công “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện...”, theo đó việc giải ngân vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (bao gồm cả cấp tỉnh và cấp huyện) là chưa phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước (quy định kế hoạch đầu tư công các dự án của ngân sách do Hội đồng nhân dân quyết định theo thẩm quyền của từng cấp) và sẽ mất rất nhiều thời gian trong công tác điều hòa kế hoạch đầu tư công của các cấp, dẫn đến bị động, chậm trễ trong giải ngân đầu tư công. Cử tri kiến nghị trình sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công theo hướng giao cho Hội đồng nhân dân từng cấp được quyết định việc kéo dài kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương do cấp mình quản lý, để chủ động thực hiện và phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

(2) Theo quy định của Luật Đầu tư công về việc giải phóng mặt bằng đối với các dự án chỉ được triển khai sau khi dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư, quy định này có thể ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân khi chưa có sẵn mặt bằng sạch. Cử tri kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định đối với một số loại công trình, dự án đã được xác định rõ diện tích thu hồi thì được phép tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập như dự án nhóm A được quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công để thực hiện trước.

**Trả lời:**

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất Chính phủ để báo cáo Quốc hội về việc sửa đổi Luật Đầu tư công tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội Khóa XV. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp với các cơ quan liên quan, nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư công. Đối với kiến nghị nêu trên của cử tri, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin tiếp thu và sẽ rà soát, nghiên cứu trong quá trình sửa đổi Luật Đầu tư công.

**17. Bộ Giao thông vận tải trả lời tại Văn bản số 9093/BGTVT-KCHT ngày 21/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Cử tri phản ánh tuyến đường Quốc lộ 1A đoạn từ Km1164 đến km1166 địa bàn xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định khu dân cư đông đúc, người dân và học sinh tham gia giao thông nhiều, thường xuyên xảy ra tai nạn và nguy cơ tai nạn giao thông cao. Đề nghị Bộ Giao thông vận tải quan tâm, chỉ đạo lắp đặt biển báo giảm tốc độ qua đoạn đường trên để đảm bảo người dân tham gia giao thông được an toàn

**Trả lời:**

Đoạn tuyến Quốc lộ 1 (QL.1) từ Km1164 - Km1166 qua địa bàn xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định hiện trạng là đường cấp III đồng bằng[[8]](#footnote-8), bình diện tuyến cơ bản thẳng, địa hình khu vực bằng phẳng; trên đoạn tuyến có Trường tiểu học Mỹ Phong tại Km1165+250 (trái tuyến). Cục Đường bộ Việt Nam (ĐBVN) với trách nhiệm là Cơ quan quản lý đường bộ đã chủ trì cùng các bên liên quan (chính quyền địa phương, Sở GTVT Bình Định) tổ chức kiểm tra, xác định nguyên nhân gây mất an toàn như cử tri đã nêu và đề xuất giải pháp để xử lý, khắc phục[[9]](#footnote-9).

Đến nay, Cục ĐBVN đã tổ chức thực hiện hoàn thành các nội dung: Lắp biển báo số W.225 “Trẻ em” kèm theo biển phụ S501 tại Km1165+075(P) và Km1165+496 (T); bổ sung vạch sơn gờ giảm tốc màu vàng đoạn Km1165+026 - Km1165+502. Đồng thời, cho phép chuẩn bị đầu tư bổ sung, hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông tại vị trí trường học như cử tri đã nêu[[10]](#footnote-10), dự kiến thực hiện hoàn thành trong năm 2024.

Trong quá trình khai thác, Đơn vị quản lý đường bộ trên địa bàn sẽ tiếp tục theo kiêm dõi tình hình giao thông tại khu vực để phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên tra và kịp thời có giải pháp xử lý các vấn đề phát sinh đảm bảo an toàn cho người dân và học sinh tham gia giao thông trên tuyến QL.1 qua khu vực xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

**18. Bộ Công Thương trả lời tại Văn bản số 6217/BTC-KHTC ngày 20/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Cử tri kiến nghị sớm sửa đổi bổ sung Luật điện lực và ban hành chính sách về điện mặt trời áp mái nhằm giải quyết việc tiếp nhận, kết nối và ký hợp đồng mua bán điện từ hệ thống điện mặt trời áp mái của các hộ gia đình đã đầu tư lắp đặt điện mặt trời áp mái sau ngày 31/12/2020.

**Trả lời:**

Hiện nay, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ về dự thảo Nghị định quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà để tự sản, tự tiêu (bao gồm nhà ở, cơ quan công sở, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, cơ sở kinh doanh đã được đầu tư, xây dựng theo đúng quy định của pháp luật). Nếu được Chính phủ thông qua, nghị định là căn cứ pháp lý để các cơ quan, tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện, trong đó có các chính sách khuyến khích cụ thể.

**19. Bộ Thông tin và Truyền thông trả lời tại Văn bản số 3630/BTTTT-VP ngày 30/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Hiện nay, tội phạm công nghệ cao vẫn tiếp tục sử dụng nhiều SIM rác để thực hiện hành vi tội phạm lừa đảo. Cử tri kiến nghị có quy định pháp luật nghiêm khắc hơn đối với các nhà mạng chưa quản lý được SIM chính chủ, để tội phạm lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội.

**Trả lời:**

Thời gian vừa qua, Bộ TTTT đã thực hiện 6 giải pháp trong việc xử lý những vấn đề liên quan đến tình trạng lừa đảo trực tuyến[[11]](#footnote-11), trong đó đối với quản lý SIM thuê bao di động: Từ ngày 15/4/2024, Bộ TTTT đã thông báo, các doanh nghiệp viễn thông di động chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu trên thị trường còn xuất hiện SIM được phát triển mới không đúng quy định. Trường hợp phát hiện vi phạm, Bộ sẽ tổ chức thanh tra xử lý vi phạm, đồng thời sẽ xem xét có văn bản nhắc nhở Người đứng đầu các doanh nghiệp. Hiện tại, Bộ TTTT (Cục Viễn thông) đã và đang triển khai các đoàn kiểm tra về quản lý thông tin thuê bao di động tại các doanh nghiệp viễn thông di động, tới thời điểm hiện tại Bộ TTTT đã đình chỉ hoạt động phát triển thuê bao mới trong 2 tháng của 03 doanh nghiệp viễn thông di động: Vietnammobile, VNSKY đình chỉ từ 01/7/2024 đến 31/8/2024; Mobicast đình chỉ từ 06/6/2024 đến 05/8/2024. Đây là một hình thức xử lý rất nặng đối với các nhà mạng, thể hiện quyết tâm cao của Bộ TTTT trong vấn đề xử lý SIM rác, SIM không chính chủ, rất mong nhận được sự ủng hộ, đồng thuận của cử tri, người dân và xã hội.

**20. Ngân hàng Nhà nước trả lời tại Văn bản số 6659/NHNN-VP ngày 12/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Hiện nay việc giải ngân đối với gói tín dụng (120.000 tỷ đồng) về phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư còn gặp nhiều khó khăn, vì thời hạn vay ưu đãi ngắn (đối với người mua nhà 5 năm, chủ đầu tư dự án 3 năm), lãi suất còn cao (chỉ thấp hơn từ 1,5 – 2%/năm so với lãi suất vay thông thường). Cử tri đề nghị hạ lãi suất, kéo dài thời hạn cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho người mua và doanh nghiệp được tiếp cận.”

**Trả lời:**

NHNN xác định đây là Chương trình quan trọng theo chủ trương của Chính phủ nên đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương (trong đó có tỉnh Bình Định) và chỉ đạo ngân hàng thương mại (NHTM) quyết liệt triển khai[[12]](#footnote-12); đồng thời theo dõi khó khăn, vướng mắc để tìm cách tháo gỡ. Trong thời gian đầu triển khai Chương trình còn gặp nhiều khó khăn; đến tháng 12/2023, chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng mới chỉ giải ngân 180 tỷ đồng. Tuy nhiên, kết quả đã có sự cải thiện qua từng tháng; đến tháng 06/2024, các NHTM đã giải ngân 1.344 tỷ đồng, tăng 646,67% so với cuối năm 2023. Mặc dù vậy, NHNN đánh giá tiến độ giải ngân vẫn chậm do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân lớn nhất là do nguồn cung nhà ở xã hội còn hạn chế; đến nay cả nước mới có 34/63 tỉnh, thành phố công bố danh mục dự án nhà ở xã hội với tổng cộng 78 dự án; một số dự án gặp vướng mắc về mặt pháp lý (về thủ tục về đầu tư, đất đai,...). Ngoài ra, theo báo cáo của một số địa phương, đa số người dân trên địa bàn thuộc khu vực nông thôn, có thu nhập thấp hoặc đối với công nhân trong các khu công nghiệp không có nhu cầu ở dài hạn nên không có nhu cầu mua nhà ở xã hội, chỉ có nhu cầu thuê nhà ở xã hội,..

Về mức lãi suất cho vay của Chương trình: Hiện nay, Nhà nước đang triển khai các chương trình cho vay nhà ở xã hội có sử dụng nguồn vốn ngân sách với lãi suất thấp và thời gian cho vay dài hạn qua Ngân hàng Chính sách xã hội và Nghị định 100/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội. Đối với chương trình 120.000 tỷ đồng, đây là Chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng nguồn vốn huy động của người gửi tiền của các NHTM, không dùng vốn ngân sách Nhà nước. Vì vậy, Chương trình 120.000 tỷ đồng không thể có tính ưu đãi về lãi suất như chương trình sử dụng nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, mặt khác đối tượng mua nhà ở xã hội cũng không phải người nghèo.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, NHNN đã tích cực triển khai nhiều giải pháp để giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Cụ thể, NHNN đã 04 lần công bố lãi suất áp dụng đối với Chương trình (theo hướng giảm dần qua các kỳ công bố[[13]](#footnote-13)). Hiện, mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại áp dụng đối với khách hàng là chủ đầu tư dự án ở mức 7%/năm và đối với khách hàng là người mua nhà tại dự án ở mức 6,5%/năm (áp dụng từ ngày 01/07/2024 đến hết ngày 31/12/2024[[14]](#footnote-14)). Như vậy, lãi suất áp dụng đối với Chương trình đã giảm 1%/năm so với kỳ 1/1/2024- 30/06/2024 và giảm gần 2%/năm so với thời điểm bắt đầu triển khai Chương trình.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ ngày 05/08/2024, Thống đốc NHNN đã báo cáo và được Chính phủ đồng ý đề xuất điều chỉnh nội dung Chương trình theo hướng nâng mức giảm lãi suất cho vay đối với người mua nhà từ 2% lên 3% trong 5 năm đầu, 5 năm tiếp theo thấp hơn 1% đến 2%, so với lãi suất cho vay bình quân trung dài hạn VND của 04 NHTM nhà nước[[15]](#footnote-15).

**21. Tổng Liên đoàn lao động trả lời tại Văn bản số 1969/TLĐ-CSPL ngày 28/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Hiện nay, lao động thuộc khu vực phi chính thức chiếm số lượng động đảo và là lực lượng yếu thế nên rất cần được công đoàn bảo vệ. Cử tri đề nghị xem xét khi trình Quốc hội sửa đổi Luật Công đoàn cần có quy định cho phép người lao động khu vực phi chính thức có quyền thành lập, gia nhập công đoàn để họ được bảo vệ quyền lợi

**Trả lời:**

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính chung năm 2023, số lao động phi chính thức là 33,3 triệu người. Lao động khu vực phi chính thức luôn phải đối mặt với nhiều rủi ro, bị sai khiến, bị bóc lột sức lao động…vv. Thực tế này đã và đang đòi hỏi tổ chức công đoàn phải đa dạng các hình thức tập hợp NLĐ để bảo vệ quyền lợi cho họ. Nghị quyết số 02 - NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về “Đổi mới tổ chức và hoạt động Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới” (Nghị quyết số 02 - NQ/TW) đã đặt ra yêu cầu “có mô hình phù hợp thu hút, tập hợp, bảo vệ người lao động ở khu vực phi chính thức”.

Thể chế hóa Nghị quyết của Đảng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, dự thảo Luật Công đoàn (sửa đổi) đã mở rộng quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn đối với “người làm việc không có quan hệ lao động” (tại Điều 5). Theo đó, dự thảo Luật quy định “Người lao động Việt Nam có quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn”; đồng thời, bổ sung quy định về nghiệp đoàn cơ sở theo hướng: “Nghiệp đoàn cơ sở là tổ chức cơ sở của Công đoàn Việt Nam, tập hợp những người làm việc không có quan hệ lao động cùng ngành, nghề hoặc những người lao động đặc thù khác, được công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở công nhận theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công đoàn Việt Nam”.

**Ý kiến, kiến nghị:**

Kiến nghị xem xét có quy định cụ thể thời gian làm nhiệm vụ công đoàn cho cán bộ công đoàn cơ sở

**Trả lời:**

Luật Công đoàn 2012 đã quy định tại khoản 2 Điều 24 thời gian hoạt động công đoàn của cán bộ công đoàn không chuyên trách, gắn với chức danh (chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên ban chấp hành). Theo đó, “cán bộ công đoàn không chuyên trách được sử dụng 24 giờ làm việc trong một tháng đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch công đoàn cơ sở; 12 giờ làm việc trong 01 tháng đối với Ủy viên Ban chấp hành, Tổ trưởng, Tổ phó tổ công đoàn để làm công tác công đoàn và được đơn vị sử dụng lao động trả lương. Tuỳ theo quy mô cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mà Ban Chấp hành công đoàn cơ sở và đơn vị sử dụng lao động thoả thuận về thời gian tăng thêm”. Qua tổng kết thực tiễn thi hành, quy định này được thực hiện thuận lợi, không gặp khó khăn, vướng mắc.

Đồng tình với đánh giá của cử tri về việc quy định thời gian làm nhiệm vụ công đoàn cho cán bộ công đoàn cơ sở, trong quá trình xây dựng dự án Luật, quan điểm của Tổng Liên đoàn là “kế thừa và giữ nguyên những nội dung đã khẳng định được tính hợp lý, ổn định, hiệu quả trong quá trình thi hành”. Do vậy, Tổng Liên đoàn đã đề xuất giữ lại quy định hiện hành trong dự thảo Luật Công đoàn (sửa đổi) để bảo đảm điều kiện thuận lợi cho hoạt động công đoàn.

**Ý kiến, kiến nghị:**

Kiến nghị trình Quốc hội sửa đổi Luật Công đoàn 2012 theo hướng: Quy định rõ ràng hơn về quyền chủ động thực hiện giám sát của công đoàn trong Luật để nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của tổ chức công đoàn, theo đúng tinh thần Quyết định số 217 - QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và các quy định pháp luật

**Trả lời:**

Điều 14 Luật Công đoàn 2012 quy định: Công đoàn “Tham gia, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát ...”. Đồng thời, Công đoàn thực hiện việc giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định số 217- QĐ/TW ngày 12/ 12/ 2013 của Bộ Chính trị về “Ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”. Quyền giám sát của công đoàn cũng được quy định ở nhiều đạo luật khác có liên quan. Theo đó, Công đoàn Việt Nam vừa có tư cách chủ trì, chủ động giám sát; vừa tham gia, phối hợp giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Đồng tình và tiếp thu kiến nghị của cử tri, dự thảo Luật (Công đoàn) đã bổ sung quyền chủ trì giám sát của Công đoàn nhằm bảo đảm vai trò của công đoàn trong việc chủ động giám sát những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động và tổ chức công đoàn phù hợp với Hiến pháp, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

**TẬP HỢP**

**Trả lời kiến nghị cử tri sau kỳ 7, Quốc hội khóa XV**

**của các cơ quan Trung ương**

\_\_\_\_\_\_

**1. Bộ Xây dựng trả lời tại Văn bản số 4749/BXD-QHKT ngày 25/8/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

1. Theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị (QHĐT), tại khoản 6 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, được sửa đổi bổ sung tại khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018, quy định: “5. Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, thị trấn có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quy hoạch chung đô thị trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch này.”. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng (QHXD), tại khoản 4 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018, quy định: “4. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập QHXD có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.”.

Theo đó, Luật Xây dựng chưa quy định cụ thể về cấp độ QHXD (Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện; quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng; quy hoạch chung xây dựng xã; các quy hoạch chi tiết xây dựng) đều phải thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp trước khi phê duyệt, Nếu tất cả các cấp độ quy hoạch xây dựng (kể cả quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng, quy hoạch chi tiết xây dựng) đều phải thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp thì không đồng bộ về quy trình lập, thẩm định, phê duyệt giữa quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị, gây khó khăn, chậm trễ trong quá trình thực hiện (quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị thường có tính chất, mức độ phức tạp hơn trong khi quy hoạch xây dựng thì không quy định thông qua Hội đồng nhân dân; trong khi đó, quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng, quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải thông qua Hội đồng nhân dân); sẽ làm kéo dài thời gian thực hiện, không đáp ứng yêu cầu về tiến độ lập các đồ án quy hoạch xây dựng, thực hiện các dự án đầu tư, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng; đẩy nhanh tiến độ triển khai các QHXD, kịp thời phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cũng như triển khai thực hiện đồng bộ các quy định pháp luật về QHĐT và QHXD.

**Trả lời:**

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch quy định: "Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt".

Theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 19, điểm c khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh; Hội đồng nhân dân thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ và quyền hạn quyết định quy hoạch xây dựng. Do đó, UBND các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định quy hoạch xây dựng, trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Trình tự, thủ tục việc UBND các cấp báo cáo, trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định được thực hiện theo quy chế làm việc của cơ quan nhà nước tại địa phương và đảm bảo phù hợp với quy định về hoạt động của chính quyền địa phương được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Hiện nay, Bộ Xây dựng đang trong quá trình xây dựng Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn để trình Quốc hội cho ý kiến và xem xét thông qua tại kỳ họp thứ 8 của Quốc hội khóa XV. Trong đó, Bộ Xây dựng đã nghiên cứu và đề xuất chỉnh sửa tại khoản 5 Điều 41 dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, cụ thể: “Đối với quy hoạch chung thành phố, thị xã, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Đối với quy hoạch chung do Bộ Xây dựng tổ chức lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan có trách nhiệm thông qua Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt”. Bộ Xây dựng tiếp tục ghi nhận ý kiến của cử tri tỉnh Bình Định để tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy định pháp luật.

**Ý kiến, kiến nghị:**

Theo quy định tại Thông tư số 12/2023/TT-BXD ngày 20/11/2023 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp tổ chức lập quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương đô thị loại III trở lên, đối với các đồ án quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương đô thị loại III trở lên được Bộ Xây dựng phân cấp cho UBND cấp tỉnh tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung, trình Bộ Xây dựng thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay một số huyện trên địa bàn tỉnh được định hướng lên đô thị loại IV thuộc đô thị mới, có quy mô dân số hiện trạng tương đương đô thị loại III, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung đô thị sẽ thuộc Bộ Xây dựng và Thủ tướng Chính phủ; sau khi được Bộ Xây dựng công nhận đô thị loại IV thì thẩm quyền phê duyệt thuộc UBND tỉnh; do đó, trường hợp rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung đô thị thì UBND tỉnh không đủ thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nên việc điều chỉnh quy hoạch phải trình Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định, việc này làm phát sinh thủ tục hành chính liên thông quốc gia, kéo dài thời gian thực hiện, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các quy hoạch cấp dưới và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng có liên quan. Do đó, cử tri kiến nghị xem xét phân cấp thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung đô thị mới cho UBND cấp tỉnh.

**Trả lời:**

- Tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 12/2023/TT-BXD ngày 20/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phân cấp tổ chức lập quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương đô thị loại III trở lên quy định: “Phân cấp cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại III trở lên; thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch đô thị năm 2009”.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 quy định Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị đối với các quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại III trở lên và đô thị mới có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới hành chính của hai tỉnh trở lên.

- Tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 quy định Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị đối với Quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh, thị xã, thị trấn, đô thị mới, trừ các quy hoạch đô thị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 44 Luật quy hoạch đô thị; đối với đồ án quy hoạch chung đô thị loại II, III, IV và đô thị mới, trước khi phê duyệt phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng.

- Căn cứ các quy định pháp luật trên, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại III trở lên và trình Bộ Xây dựng thẩm định trước khi Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt theo quy định. Đối với các đô thị đã được công nhận là đô thị loại IV, UBND cấp tỉnh có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng.

- Hiện nay, Bộ Xây dựng đang trong quá trình xây dựng Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn để trình Quốc hội cho ý kiến và xem xét thông qua tại kỳ họp thứ 8 của Quốc hội khóa XV. Trong đó, Bộ Xây dựng cũng đã nghiên cứu và đề xuất phương án mở rộng phân cấp cho UBND các cấp đối với việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung đô thị mới.

**Ý kiến, kiến nghị:**

Theo nội dung quy định tại Điều 2 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, quy định trường hợp lập quy hoạch tổng mặt bằng (quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn) phải đảm bảo điều kiện khu đất lập quy hoạch phải thuộc khu vực đã có quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt. Tuy nhiên, đối với các dự án sản xuất công nghiệp nằm ngoài các cụm công nghiệp; các dự án khu, điểm dân cư nông thôn và các dự án khác thuộc khu chức năng xã đã có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt, không có yêu cầu lập quy hoạch phân khu thì có thuộc trường hợp áp dụng lập quy hoạch tổng mặt bằng hay không. Cử tri đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, tham mưu Chính phủ có quy định cụ thể đối với các trường hợp nêu trên để làm cơ sở áp dụng, thực hiện đảm bảo theo quy định.

**Trả lời:**

Tại Điều 2 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (gọi tắt là Nghị định 35) có quy định: "4. Các khu vực trong khu chức năng thuộc đối tượng phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng, khi thực hiện đầu tư xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng thì phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng để cụ thể hóa quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xây dựng (đối với trường hợp quy định phải lập quy hoạch phân khu xây dựng), làm cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng, cấp giấy phép xây dựng và triển khai các công việc khác theo quy định của pháp luật liên quan. Đối với các lô đất có quy mô nhỏ quy định tại khoản 5 Điều này thì được lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy trình rút gọn (gọi là quy trình lập quy hoạch tổng mặt bằng)";

- Căn cứ quy định nêu trên và các quy định pháp luật hiện hành thì hiện nay chưa có quy định về việc lập quy hoạch tổng mặt bằng đối với các dự án sản xuất công nghiệp nằm ngoài các cụm công nghiệp; các dự án khu, điểm dân cư nông thôn và các dự án khác thuộc khu chức năng xã đã có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt, không có yêu cầu lập quy hoạch phân khu.

- Hiện nay, Bộ Xây dựng đang trong quá trình xây dựng Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn để trình Quốc hội cho ý kiến và xem xét thông qua tại kỳ họp thứ 8 trong năm 2024. Bộ Xây dựng xin ghi nhận ý kiến trên của UBND tỉnh Bình Định để tiếp tục nghiên cứu đề xuất, bổ sung quy định rõ ràng, đầy đủ, cụ thể hơn đối với từng trường hợp đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

**Ý kiến, kiến nghị:**

Về thành phần hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng có yêu cầu về bản vẽ phương án kiến trúc công trình, tuy nhiên không có hướng dẫn cụ thể về nội dung thể hiện phương án kiến trúc công trình, do đó đề nghị hướng dẫn си the về thành phần và nội dung thể hiện đối với phương án kiến trúc công trình để làm cơ sở triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

**Trả lời:**

Thành phần hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng đã được quy định tại Điều 1, Điều 2 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, cụ thể: “Quy hoạch tổng mặt bằng gồm bản vẽ tổng mặt bằng; phương án kiến trúc công trình phải thể hiện được vị trí quy mô công trình, hạng mục công trình trong lô đất; xác định cụ thể cao độ nền xây dựng, chỉ giới xây dựng (chỉ giới xây dựng phần nổi, phần ngầm của công trình), màu sắc công trình và các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng; bảo đảm sự đấu nối hạ tầng kỹ thuật và phù hợp về không gian kiến trúc với khu vực xung quanh;”. Tuy nhiên, Bộ Xây dựng xin ghi nhận ý kiến của cử tri tỉnh Bình Định để tiếp tục nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung quy định rõ ràng, đầy đủ, cụ thể hơn đối với từng trường hợp đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quá trình hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch thời gian sắp tới.

**2. Bộ Xây dựng trả lời tại Văn bản số 5234/BXD-QHKT ngày 12/9/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch và khoản 2 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, quy định thẩm quyền tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết trong khu vực đô thị mới thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn tỉnh có một số huyện, xã được định hướng phát triển lên đô thị loại IV, V (dự kiến thành lập thị xã, phường) sau khi được công nhận đô thị loại IV,V thì thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện. Do đó, đối với khối lượng lớn các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết thuộc các khu vực đô thị mới trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh phê duyệt, làm phát sinh thủ tục hành chính cấp tỉnh, kéo dài thời gian thực hiện làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các quy hoạch cấp dưới và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng có liên quan. Do đó, cử tri kiến nghị xem xét, đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trong khu vực đô thị mới thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh về cho UBND cấp huyện.

**Trả lời:**

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng xin trả lời như sau:

Tại khoản 2 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết các khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai quận, huyện trở lên, khu vực trong đô thị mới và khu vực có ý nghĩa quan trọng, trừ quy hoạch đô thị quy định tại khoản 1 và khoản 7 Điều 19.

Tại điểm c khoản 2 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị đối với quy hoạch phân khu thuộc đô thị loại đặc biệt và loại I; quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết các khu vực trong đô thị có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai quận, huyện trở lên, khu vực có ý nghĩa quan trọng, khu vực trong đô thị mới, trừ các quy hoạch quy định tại điểm c khoản 1 Điều 44.

Theo các quy định nêu trên, việc lập, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đối với các khu vực trong đô thị mới có quy mô dân số tương đương đô thị loại IV, loại V thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh. Tuy nhiên, Bộ Xây dựng đang trong quá trình xây dựng Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn để trình Quốc hội cho ý kiến và xem xét thông qua tại kỳ họp thứ 8 của Quốc hội khóa XV. Trong đó, Bộ Xây dựng đã nghiên cứu và đề xuất phương án mở rộng phân cấp cho UBND các cấp đối với việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trong đô thị mới có quy mô dân số tương đương đô thị loại IV, loại V. Cụ thể tại khoản 3 Điều 41 dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, quy định: “Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chung xã, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý”. Bộ Xây dựng xin ghi nhận ý kiến của cử tri tỉnh Bình Định để tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy định pháp luật.

**3. Bộ Xây dựng trả lời tại Văn bản số 5414/BXD-TTr ngày 20/9/2024**

**Ý kiến, kiến nghị:**

Về các vướng mắc trong việc thực hiện Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng: Tại khoản 12 Điều 16 quy định “xử phạt hành vi tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm sau khi bị lập biên bản vi phạm hành chính (trước khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính) dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm... ” không quy định rõ các bước xử lý cụ thể xác định rõ hành vi nêu trên, để bổ sung trong hồ sơ xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật. Cử tri đề xuất được lập thêm 01 biên bản làm việc hoặc biên bản xác minh để bổ sung vào hồ sơ cho rõ ràng.

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “a) Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị lập một biên bản và ra quyết định xử phạt một lần. Trường hợp hành vi vi phạm đã bị lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt mà cá nhân, tổ chức không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền, vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm đó, thì người có thẩm quyền phải áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính phù hợp để chấm dứt hành vi vi phạm. Khi ra quyết định xử phạt đối với hành vi đó, người có thẩm quyền xử phạt có thể áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc xử phạt đối với hành vi không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền trong trường hợp nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước tương ứng có quy định và xử phạt đối với hành vi vi phạm đã lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt;

đ) Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhiều lần, thì người có thẩm quyền lập một biên bản vi phạm hành chính, trong đó ghi rõ từng hành vi vi phạm và từng lần vi phạm”.

Như vậy, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 đã quy định rõ các trường hợp cụ thể khi thiết lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính như kiến nghị của cử tri nêu trên.

**Ý kiến, kiến nghị:**

Về các vướng mắc trong việc thực hiện Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng: Mức xử phạt quy định tại điểm c khoản 6 Điều 16 đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp đối với các trường hợp cấp phép xây dựng mới, công trình phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (mức phạt 100 triệu đến 120 triệu đồng) và điểm c khoản 7 Điều 16, đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng, công trình có yêu cầu phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc công trình phải lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (mức phạt 120 triệu đồng đến 140 triệu đồng), vượt thẩm quyền xử phạt của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng được quy định tại Điều 75 của Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ( Chánh Thanh tra phạt tiền đến 100 triệu đồng), do đó làm cho việc xử lý không kịp thời, phải lập thủ tục chuyển cho UBND cấp huyện hoặc cấp tỉnh xử lý theo thẩm quyền, gây khó khăn trong việc xử phạt vi phạm hành chính. Cử tri đề xuất tăng thẩm quyền xử phạt cho Chánh Thanh tra Sở Xây dựng ngang thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp huyện (phạt tiền đến 200.000.000đồng).

**Trả lời:**

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020 về thẩm quyền xử phạt của Chánh Thanh tra Sở (mức phạt tiền đối với cá nhân):“Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 50.000.000 đồng”.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân. Thẩm quyền xử phạt của Chánh Thanh tra Sở được quy định tại Nghị định 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng cũng như dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 16/2022/NĐ-CP hiện đang quy định là 100.000.000 đồng, đây là mức phạt tối đa, đúng theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Vì vậy, dự thảo Nghị định không thể định tăng mức phạt tiền đến 200.000.000 đồng như kiến nghị của cử tri.

**Ý kiến, kiến nghị:**

Về các vướng mắc trong việc thực hiện Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng: Theo Điều 69 vi phạm quy định về quản lý sử dụng nhà chung cư đối với ban quản trị nhà chung cư: Mức phạt đối với 01 hành vi vi phạm của ban quản trị từ 60 triệu đến 120 triệu là quả cao, vì ban quản trị là các cá nhân sống trong chung cư được các cư dân trong chung cư tín nhiệm bầu ra và được cơ quan có thẩm quyền công nhận, nhưng khi thực hiện quản lý sử dụng kinh phí không đúng quy định (quyền lợi chung của tập thể) thì bị xử lý hành chính, phạt tiền từ tài khoản hoạt động của ban quản trị (kinh phí hoạt động do chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư đóng góp), làm ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn kinh phí hoạt động của chung cư và các cư dân”. Cử tri đề xuất giảm mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm của ban quản trị chung cư hoặc có hướng xử lý phù hợp hơn”.

**Trả lời:**

Thời gian qua, nhiều chủ đầu tư, ban quản trị nhà chung cư quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì không chấp hành hoặc chấp hành nhưng không đầy đủ theo quy định. Việc này dẫn đến tình trạng tranh chấp, đơn thư khiếu nại kéo dài, nhiều khu chung cư người dân phản ứng quyết liệt với chủ đầu tư, căng băng rôn tại các nhà chung cư, các cơ quan quản lý Nhà nước và các cấp chính quyền.

Để xử lý nghiêm các hành vi vi phạm của ban quản trị nhà chung cư, tại Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng đã bổ sung quy định xử phạt hành vi liên quan đến trách nhiệm của ban quản trị nhà chung cư trong việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì, đảm bảo đầy đủ hành vi theo quy định của pháp luật ngành Xây dựng.

Hiện nay, Bộ Xây dựng đang xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 16/2022/NĐ-CP. Đối với kiến nghị của cử tri, Bộ Xây dựng xin nghiên cứu để quy định hành vi vi phạm tại dự thảo nghị định có mức tiền phạt phù hợp đối với ban quản trị nhà chung cư để vẫn đảm bảo tính răn đe, đồng thời có tính khả thi cao trên thực tiễn thi hành.

1. Khoản 9 Điều 2 Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐTP ngày 10/6/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. [↑](#footnote-ref-1)
2. Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 04/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 11/10/2021. [↑](#footnote-ref-2)
3. Quyết định số 585/QĐ-BYT ngày 20/02/2013 của Bộ Y tế về việc Phê duyệt Dự án "Thí điểm đưa bác sỹ trẻ tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (ưu tiên 62 huyện nghèo). [↑](#footnote-ref-3)
4. Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Đại học Y - Dược Huế, Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Y- Dược Cần Thơ [↑](#footnote-ref-4)
5. Quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg và điểm d khoản 2 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT- BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính. [↑](#footnote-ref-5)
6. Theo Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-6)
7. Ngày ban hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 [↑](#footnote-ref-7)
8. Chiều rộng nền đường Bn=20,5m, mặt đường rộng Bm=19m, gồm 4 làn xe cơ giới Bcg=3,5mx4=14m, 02 làn xe hỗn hợp Bhh=2mx2=4m, lề đất Bld=0,5mx2=1m, dải phân cách giữa và dải an toàn Bpcg=1,5m. [↑](#footnote-ref-8)
9. Biên bản kiểm tra hiện trường được các bên tham gia lập các ngày 13/3/2024 và ngày 06/6/2024. [↑](#footnote-ref-9)
10. Quyết định số 1996/QĐ-CĐBVN ngày 19/4/2024 của Cục ĐBVN với giải pháp: bổ sung, lắp đặt đèn cảnh báo chớp vàng, hộp đèn LED và biển báo P.127 trên cột cần vươn, bổ sung biển báo chỉ dẫn 1.444 ghi dòng chữ cảnh báo “KHU VỰC TRƯỜNG HỌC”; bổ sung biển báo hạn chế tốc độ theo giờ, biển báo W.245a “Đi chậm” và biển báo 1.423b “Đường dành cho người đi bộ”; bổ sung vạch sơn gờ giảm tốc dạng rải đều, vạch sơn người đi bộ qua đường, vạch sơn quả trám. [↑](#footnote-ref-10)
11. https://vietnamnet.vn/bo-truong-bo-tt-tt-neu-6-giai-phap-xu-ly-tinh-trang-lua-dao-truc-tuyen-2283773.html [↑](#footnote-ref-11)
12. NHNN đã ban hành 05 văn bản chỉ đạo TCTD, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, có công văn gửi UBND các tỉnh, thành phố và phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức và tham dự 10 Hội nghị để thúc đẩy thực hiện Chương trình. [↑](#footnote-ref-12)
13. Lãi suất đã được điều chỉnh giảm qua các lần công bố từ mức ban đầu là 8,5% đối với chủ đầu tư, 8% đối với người mua nhà, xuống mức 8,2% đối với chủ đầu tư và 7,7% đối với người mua nhà ở kỳ công bố tiếp theo (áp dụng từ tháng 7/2023 đến hết tháng 12/2023) và tiếp tục giảm mức lãi suất xuống 8% đối với chủ đầu tư và 7,5% đối với người mua nhà (áp dụng từ tháng 1/2024 đến tháng hết 6/2024). [↑](#footnote-ref-13)
14. Công văn 5260/NHNN-CSTT ngày 25/6/2024. [↑](#footnote-ref-14)
15. Đổi tên Chương trình thành Chương trình cho vay nhà ở xã hội từ nguồn lực của ngân hàng thương mại. [↑](#footnote-ref-15)